TÒA ÁN NHÂN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26** /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2025
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền Diệu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Minh Thành
2. Bà Cao Thị Hồng Châu

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 385/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị L, sinh năm 1983 – Có đơn xét xử *vắng mặt*
Trú tại: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh ĐắkLắk
` Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H, sinh năm 1965 – Có đơn xét xử *vắng mặt*
Trú tại: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh ĐắkLắk
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 - Vắng mặt
Trú tại: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh ĐắkLắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên bà Lý Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2021 sau thời gian tìm hiểu được khoảng 06 tháng, không tổ chức lễ cưới nhưng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Hiệp, huyện CưMgar, tỉnh Đăklăk ngày 10/02/2022. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân do ông T hay uống rượu và bài bạc, thường xuyên cãi nhau, có hành vi đánh vợ. Từ tháng

9/2024 cho đến nay vợ chồng không chung sống với nhau nữa, hiện nay bà L đã đưa con chung đi làm và sinh sống tại tỉnh Bình Dương. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống với nhau. Nguyện vọng của bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01/3/2022. Nguyện vọng của bà L được nuôi con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà L và ông T có tài sản chung trị giá hơn 200.000.000 đồng. Bà L có nguyện vọng giải quyết giao toàn bộ tài sản chung cho ông T giản lý, sử dụng gồm 01 nhà làm bằng tôn khung sắt diện tích 47.5m2 (5 x 9,5), nền láng xi măng lúc làm trị giá cả công và vật liệu 45.000.000 đồng; 01 mái che bằng tôn khung sắt diện tích 60m2 (6x10) lúc làm trị giá 17.000.000 đồng; 01 nhà kho bằng tôn, khung sắt diện tích 4m2 (2x2) lúc làm trị giá 5.000.000 đồng; Đầu máy cày và moóc kéo mua năm 2022 trị giá 32.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 99.000.000 đồng, ông T có trách nhiệm giao lại cho bà L 50.000.000 đồng. Số tài sản còn lại bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với xe môtô nhãn hiệu Yamaha màu xám đen, loại Sirius biển số 47H - 805.49 mua tháng 3 năm 2024 trị giá 22.700.000 đồng hiện nay bà L đang sử dụng; Đối với xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Wave Blade mua cuối năm 2024 trị giá 23.500.000 đồng hiện nay ông T đang sử dụng, do hai xe này giá trị tương đương nhau nên bà L không yêu cầu giải quyết. Xe của ai thì người đó sử dụng.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lý Thị L. Bà Lý Thị L được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chấp nhận nguyện vọng của bà Lý Thị L, giao cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01/3/2022 cho bà Lý Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lý Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị L, giao tài sản cho ông T quản lý, sử dụng. Ông T có trách nhiệm thanh toán lại cho bà L giá trị tài sản 50.000.000 đồng.

Án phí và các chi phí tố tụng: Các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lý Thị L yêu cầu được ly hôn, giải quyết nuôi con chung, chia tài sản chung với ông Nguyễn Văn T nên quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung. Trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống từ năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Hiệp, huyện CưMgar, tỉnh Đăklăk ngày 10/02/2022, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà L và ông T trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T hay uống rượu và bài bạc, thường xuyên cãi nhau, có hành vi đánh vợ. Từ tháng 9/2024 đến nay L và ông T không chung sống với nhau nữa. Như vậy, hôn nhân của bà L và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn bà Lý Thị L, cho bà Lý Thị L ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Lý Thị L và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01/3/2022 đang được bà Lý Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần giao con chung cho bà Lý Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Bà Lý Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đề cập xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình tố tụng, tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản nhưng ông T không hợp tác nên không thể tiến hành xem xét thẩm định tài sản và định giá được. Bà L có văn bản báo giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông T cụ thể như sau: 01 nhà làm bằng tôn khung sắt diện tích 47.5m2 (5 x 9,5), nền láng xi măng lúc làm trị giá cả công và vật liệu 45.000.000 đồng; 01 mái che bằng tôn khung sắt diện tích 60m2 (6x10) lúc làm trị giá 17.000.000 đồng; 01 nhà kho bằng tôn, khung sắt diện tích 4m2 (2x2) lúc làm trị giá 5.000.000 đồng; Toàn bộ nhà làm vào tháng 12/2023; 01 bộ khuôn làm cống từ khuôn 20 cm đến 90cm trị giá 20.000.000 đồng; Bộ khuôn làm bàn ghế đá mua năm 2021 trị giá 6.000.000 đồng; 01 bộ khuôn làm trụ 5.000.000 đồng; cát đá 20.000.000 đồng; 01 máy duỗi sắt 3.000.000 đồng; 01 máy hàn 1.500.000 đồng; 01 máy khoan đất 4.500.000 đồng; máy cưa cắt câu 2.400.000 đồng; Bồn chứa nước bằng Inox 4.500.000 đồng; chân bồn 4.000.000 đồng; máy bơm nước 4.250.000 đồng; tủ lạnh Panasonic mua năm 2021 trị giá 10.900.000 đồng; Bếp ga mua năm 2021 trị giá 800.000 đồng; Máy lọc nước mua năm 2024 trị giá 4.000.000 đồng; Đầu máy cày và moóc kéo mua năm 2022 trị giá 32.000.000 đồng; 01 cối trộn hồ trị giá 3.500.000 đồng; 01 cân đồng hồ mua năm 2024 trị giá 1.250.000 đồng; Cống và ghế thành

phẩm: Cống bi 20 là 10 cái trị giá 1.000.000 đồng; cống 40 là 05 cái trị giá 1.250.000 đồnyg; Cống 90: là 06 cái trị giá 4.200.000 đồng; Cột mốc bằng bê tông là 50 cột trị giá 1.500.000 đồng; Bàn, ghế đá gồm 04 bộ bàn ghế vuông trị giá 6.800.000 đồng; 01 bộ bàn tròn trị giá 2.500.000 đồng. Toàn bộ tài sản hiện tại ông T đang quản lý và sử dụng. Tổng giá trị tài sản là: 263.050.000 đồng

Bà L yêu cầu chia tài sản chung với ông T trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 nhà làm bằng tôn khung sắt diện tích 47.5m2 (5 x 9,5), nền láng xi măng lúc làm trị giá cả công và vật liệu 45.000.000 đồng; 01 mái che bằng tôn khung sắt diện tích 60m2 (6x10) lúc làm trị giá 17.000.000 đồng; 01 nhà kho bằng tôn, khung sắt diện tích 4m2 (2x2) lúc làm trị giá 5.000.000 đồng; Đầu máy cày và mooc kéo mua năm 2022 trị giá 32.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 99.000.000 đồng. Nguyện vọng của bà L giao toàn bộ tài sản cho ông T quản lý, sử dụng. Ông T có trách nhiệm giao lại cho bà L 50.000.000 đồng. Như vậy phần giá trị tài sản bà L được nhận là 50.000.000 đồng, phần giá trị tài sản ông T được nhận là 49.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu chia tài sản của bà L phù hợp với yêu cầu khởi kiện cũng như quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tài sản còn lại bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không có trong yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, bà L có thể khởi kiện thành một vụ án khác khi có yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bà Lý Thị L phải chịu 300.000 án phí ly hôn sơ thẩm

Án phí chia tài sản chung: Bà Lý Thị L phải chịu 2.500.000 đồng án phí chia tài sản chung; Ông Nguyễn Văn T phải chịu 2.450.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bà L và ông T mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do bà L đã đóng tạm ứng 4.000.000 đồng nên ông T có trách nhiệm trả lại cho bà L 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị L

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị L được ly hôn ông Nguyễn Văn T .

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01/3/2022 cho bà Lý Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lý Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Giao tài sản chung cho ông Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng gồm: 01 nhà làm bằng tôn khung sắt diện tích 47.5m2 (5 x 9,5), nền láng xi măng trị giá cả công và vật liệu 45.000.000 đồng; 01 mái che bằng tôn khung sắt diện tích 60m2 (6x10) trị giá 17.000.000 đồng; 01 nhà kho bằng tôn, khung sắt diện tích 4m2 (2x2) trị giá 5.000.000 đồng; Đầu máy cày và moóc kéo mua năm 2022 trị giá 32.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 99.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Lý Thị L số tiền 50.000.000 đồng

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác."

Về án phí: Bà Lý Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 2.500.000 đồng án phí giá ngạch chia tài sản được khấu trừ vào số tiền 2.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0007958 ngày 08/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 2.450.000 án phí giá ngạch chia tài sản.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả lại cho bà Lý Thị L 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- UBND xã Quảng Hiệp;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Diệu